

Bản án số: 03/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 15/6 /2020

V/v: Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VÕ NHAİ, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Âu Văn Hồ

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Tiến Chung

2. Bà Chu Thị Nụ

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Văn Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thùy., Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2020 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 18/2020/TLST-.HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2020 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2020/QĐXX-ST ngày 20 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Sầm Thị T, sinh năm 1996 – Có mặt

Địa chỉ: xóm T, xã D, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

Hiện trú tại: xóm Đ, xã B, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1995 – Vắng mặt

Địa chỉ: xóm T, xã D, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết nguyên đơn chị Sầm Thị T trình bày:

- Về quan hệ vợ chồng: Chị T và anh Nguyễn Văn D kết hôn năm 2017 và đăng ký tại UBND xã D, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên. Hôn nhân là tự nguyện, không bị ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, hai vợ chồng không còn tiếng nói chung, nguyên nhân là anh D chơi bời, không tu chí làm ăn, không

quan tâm đến vợ, hiện nay công việc mỗi người một nơi không còn chung sống với nhau, vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2019, chị T về nhà bố mẹ đẻ tại xóm Đ, xã B, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên ở từ đó đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài đề nghị Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn D để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chưa có con chung

- Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay: Chị T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh D trình bày như sau: Anh công nhận nhưng thông tin về việc kết hôn như chị T trình bày là đúng. Về mâu thuẫn vợ chồng anh D cho rằng giữa anh và chị T không có gì mâu thuẫn đến mức phải ly hôn, vợ chồng vẫn bình thường và anh vẫn yêu thương chị T. Nay chị T làm đơn xin ly hôn anh không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chưa có con chung

- Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay: Anh xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí : Chị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng:** Nguyên đơn chị T khởi kiện xin ly hôn và đề nghị giải quyết với bị đơn là anh D. Bị đơn có hộ khẩu thường trú và đang cư trú tại, xóm T, xã D, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Nguyễn Văn D đăng ký kết hôn năm 2017 tại UBND xã D, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên, trước khi kết hôn anh chị có tìm hiểu, hôn nhân là do tự nguyện, có làm đám cưới theo phong tục tập quán địa phương và đăng ký kết hôn tại UBND xã Dân, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên, được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh D chơi bời, không chịu làm ăn, không quan tâm đến vợ, đến nay không ai quan tâm đến ai, đã nhiều lần xảy

ra mâu thuẫn về vấn đề tình cảm, vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2019, đôi bên không còn quan tâm chăm sóc nhau. Quá trình giải quyết vụ án anh D có đến tòa để viết bản tự khai, tham gia hòa giải. Tại phiên tòa hôm nay anh D vắng mặt lần thứ 2 không có lý do căn cứ Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đối với anh D, Xét thấy, nền tảng cơ bản của hôn nhân là sự yêu thương tự nguyện của cả hai vợ chồng, nhưng đến nay đã không còn nữa, vợ chồng không còn lòng tin đối với nhau, không còn quan tâm chăm sóc nhau, vợ chồng ly thân đã lâu không còn khả năng đoàn tụ, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn nên yêu cầu xin ly hôn của chị T được Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình giải quyết cho chị T ly hôn với anh D.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chưa có con chung

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên đều xác định không có

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát, quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh D đã trầm trọng nên chấp nhận yêu cầu của chị T đề nghị được ly hôn đối với anh D; về con chung; về tài sản, nợ chung, không có nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, 147, 271, 273, 278, 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, 53, 56, Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Sầm Thị T ly hôn với anh Nguyễn Văn D. Chị Sầm Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn D.

2. Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chưa có con chung, HĐXX không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên đều xác định không có. HĐXX không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Sầm Thị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ tại biên lai thu số 0007591 ngày 11 tháng 02 năm 2020 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

5 .**Quyền kháng cáo:** Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định./.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh TN;
- VKSND Tỉnh TN;
- VKSND h. Võ Nhai;
- Chi cục THA h. Võ Nhai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ Tọa phiên tòa

Âu Văn Hồ